



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên mẫu: Nước sạch bể chứa Khu xử lý Thủy Yên
Nơi gửi mẫu: Công ty Cổ phần cấp nước Huế
Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hoá, thành phố Huế
Nơi sản xuất: Nhà máy nước Thủy Yên
Địa chỉ: Xã Chân Mây - Lăng Cô, thành phố Huế
Ngày nhận mẫu: 29/08/2026 **Số lượng mẫu:** 12 lít
Thời gian kiểm nghiệm: từ 29/08/2026 đến 08/09/2026
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa vận kín.
Mã số mẫu: 26DV2161
Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu
Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1 ^a	Arsenic (As)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD: 0,00187)
2 ^a	Antimon (Sb)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD: 0,00092)
3 ^a	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	KNH/QTTN/TP-22	mg/L	KPH (LOD: 0,03)
4 ^a	Cadmi (Cd)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD: 0,00021)
5 ^a	Chì (Pb)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD: 0,00152)
6 ^a	Crom (Cr)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD: 0,00232)
7 ^a	Kẽm (Zn)	KNH/QTTN/TP-140	mg/L	KPH (LOD: 0,004)
8 ^a	Seleni (Se)	KNH/QTTN/TP-141	mg/L	KPH (LOD: 0,00151)
9 ^a	Sunfua (S ²⁻)	KNH/QTTN/TP-85	mg/L	KPH (LOD: 0,01)
10 ^a	Thủy ngân (Hg)	KNH/QTTN/TP-14	mg/L	KPH (LOD: 0,00021)
11 ^a	Cacbon tetracloride	KNH/QTTN/TP-127	µg/l	KPH (LOD: 0,3)



- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (j): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HUẾ
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

17 Trương Định - Phường Thuận Hóa - Thành phố Huế
ĐT/Fax: 0234.3936272

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
12 ^a	Diclorometan	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 0,3)
13 ^a	1,2 - Dicloroetan	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 0,3)
14 ^a	1,1,1 - Tricloroetan	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 0,3)
15 ^a	Tricloroeten	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 0,3)
16 ^a	Tetracloroeten	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 0,3)
17 ^a	Benzen	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 1,5)
18 ^a	Toluen	KNH/QTTN/TP-127	µg/l	KPH (LOD: 1,5)
19 ^a	Xylen	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 1,5)
20 ^a	Ethylbenzen	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 1,5)
21 ^a	Styren	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 1,5)
22 ^a	Monoclorobenzen	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 1,5)
23 ^a	1,2 - Diclorobenzen	KNH/QTTN/TP-127	µg/l	KPH (LOD: 1,5)
24 ^a	Tổng Triclorobenzen	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 1,5)
25 ^a	Clorotoluron	KNH/QTTN/TP-129	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
26 ^a	1,2 - Dicloropropan	KNH/QTTN/TP-127	µg/L	KPH (LOD: 0,3)
27 ^a	Chlorpyrifos	KNH/QTTN/TP-130	µg/L	KPH (LOD: 1,0)
28 ^c	Monochloramine	KNH/QTTN/TP-21	mg/L	0,52

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 08 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

(Signature)

Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (): phép thử đạt GLP
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế